

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 2921/QĐ-UBND
ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền
khai thác tài nguyên nước của Hợp tác xã Hợp Phát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 347/GP-UBND ngày 27/8/2015 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 127/GP-UBND ngày 22/7/2020 (gia hạn lần 1) của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Hợp tác xã Hợp Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 961/TTr-STNMT ngày 28/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Hợp tác xã Hợp Phát, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 5, Điều 1 Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 có ghi:

Sản lượng tính: $W = 2.824 \text{ (ngày)} \times 200 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} = 564.800 \text{ m}^3$;

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 21/7/2025 (ngày hết hiệu lực của giấy phép số 127/GP-UBND);

Nay điều chỉnh lại như sau:

Sản lượng tính tiền: $W = 2.879 \text{ (ngày)} \times 200 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} = 575.800 \text{ m}^3$.

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 21/7/2025 (ngày hết hiệu lực của giấy phép số 127/GP-UBND) là 2.879 ngày.

2. Tại Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 có ghi:

Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

Nay điều chỉnh lại như sau:

Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0) = 1,5$.

3. Tại Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 có ghi:

Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = W \times G \times K \times M = 564.800 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 542.208.000 \text{ đồng}$.

(Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng);

Nay điều chỉnh lại như sau:

Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = W \times G \times K \times M = 575.800 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,5 \times 1,5\% = 518.220.000 \text{ đồng}$.

(Bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Tại Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 có ghi:

Phương án nộp tiền: Nộp theo năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 233.664.000 đồng;

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo (2021-2024): 70.080.000 đồng;

- Số tiền phải nộp năm cuối (2025) (tính đến hết ngày 22/7/2025): 28.224.000 đồng.

Nay điều chỉnh lại như sau:

Phương án nộp tiền: Nộp theo năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 219.060.000 đồng;

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo (2021-2024): 65.700.000 đồng;

- Số tiền phải nộp năm cuối (2025) (tính đến hết ngày 22/7/2025): 36.360.000 đồng.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Chủ tịch UBND xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa; Chủ nhiệm Hợp tác xã Hợp Phát; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Lưu: VT, NN, KTTC.
- QDKP 20-008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi